|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC01 |
| Use Case Name | Đăng nhập |
| Description | Là người dùng, tôi muốn đăng nhập vào hệ thống để thực hiện một số chức năng của ứng dụng |
| Actors | Customer (Khách hàng), Admin (QTV) |
| Pre-Condition(s): | Tài khoản người dùng đã được tạo sẵn  Thiết bị đã kết nối Internet  Tài khoản hợp lệ (không bị khóa hay cấm)  Đã đi đến trang Đăng nhập |
| Post-Condition(s): | Người dùng đăng nhập ứng dụng thành công  Hệ thống ghi nhận đăng nhập |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn phương thức đăng nhập mặc định (SĐT và Mật khẩu) 2. Người dùng nhập SĐT, mật khẩu, sau đó nhấn “Đăng nhập” 3. Hệ thống kiểm tra tài khoản, xác thực tài khoản 4. Hệ thống thông báo đăng nhập thành công 5. Hệ thống ghi nhận đăng nhập |
| Alternative Flow | 1a. Người dùng chọn phương thức “Tiếp tục bằng Facebook”  2a. Chuyển sang màn hình đăng nhập của Facebook  3a. Facebook xác thực thông tin đăng nhập và cho người dùng  *Use case tiếp tục bước 4*  1b. Người dùng chọn phương thức “Tiếp tục bằng Google”  2b. Chuyển sang màn hình đăng nhập của Google  3b. Google xác thực thông tin đăng nhập và cho người dùng đăng nhập vào ứng dụng  *Use case tiếp tục bước 4* |
| Exception Flow | 3c. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công và hiển thị thông báo lỗi |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement | Mật khẩu của người dùng phải được được hash |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC02 |
| Use Case Name | Đăng kí tài khoản |
| Description | Là người dùng,tôi muốn đăng ký tài khoản để có thể sử dụng được các chức năng yêu cầu đăng nhập |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Tài khoản chưa có trước  Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đi đến trang Đăng ký |
| Post-Condition(s): | Người dùng đăng ký thành công  Hệ thống tạo tài khoản cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhập SĐT, nhấn nút “Tiếp tục” 2. Người dùng nhập mã OTP xác nhận được gửi tới SĐT đã nhập ở bước 2 3. Người dùng điền thông tin tài khoản: Họ tên, mật khẩu và nhấn “Đăng ký” 4. Hệ thống kiểm thông tin thành công và lưu tài khoản 5. Hệ thống chuyển hướng tới trang đăng nhập và hiển thị thông báo đăng ký thành công |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 1a. Hệ thống kiểm tra đã tồn tại SĐT và thông báo lỗi  2a. Hệ thống kiểm tra mã OTP không chính xác và thông báo lỗi  4a1. Hệ thống kiểm tra thấy thông tin thiếu và hiển thị thông báo yêu cầu nhập đủ thông tin |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC03 |
| Use Case Name | Quên mật khẩu |
| Description | Là người dùng, tôi muốn khôi phục lại mật khẩu khi đã quên |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã có tài khoản  Đã đi đến trang Đăng nhập |
| Post-Condition(s): | Người dùng khôi phục mật khẩu thành công  Hệ thống cập nhật lại mật khẩu cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn chức năng “Quên mật khẩu” 2. Người dùng điền SĐT đã đăng ký, nhấn nút “Tiếp tục” 3. Người dùng nhập mã OTP xác nhận được gửi đến SĐT đã nhập ở bước 2 4. Người dùng nhập Mật khẩu mới và Nhập lại mật khẩu, nhấn nút “Khôi phục” 5. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập hợp lệ, thay đổi lại mật khẩu cho người dùng 6. Hệ thống chuyển hướng đến trang Đăng nhập và hiển thị thông báo “Khôi phục tài khoản thành công” |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hệ thống kiểm tra SĐT không hợp lệ và hiển thị thông báo lỗi  3a. Hệ thống kiểm tra mã OTP không chính xác và thông báo lỗi  5a. Hệ thống kiểm tra Mật khẩu mới không hợp lệ  5a1. Thông báo “Độ dài mật khẩu từ 6-16 ký tự” nếu độ dài mật khẩu không hợp lệ  5a2. Thông báo “Nhập lại mật khẩu không trùng khớp” nếu Mật khẩu mới và Nhập lại mật khẩu không khớp |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC04 |
| Use Case Name | Xem sản phẩm |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem các sản phẩm đang hiện có ở website |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem được các sản phẩm đang được bán tại website |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào trang chủ, trang sản phẩm,… 2. Hệ thống lấy tất cả các thông tin sản phẩm tùy theo từng trang hiển thị lên cho người dùng 3. Người dùng chọn một sản phẩm để xem thông tin chi tiết sản phẩm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hệ thống lấy thông tin sản phẩm thất bại và hiển thị thông báo lỗi |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC05 |
| Use Case Name | Tìm kiếm |
| Description | Là người dùng, tôi muốn tìm kiếm sản phẩm có trong hệ thống |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem được tất cả các sản phẩm theo từ khóa tìm kiếm |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhập từ khóa vào ô tìm kiếm trên header (đối với web) hoặc icon “Kính lúp” (đối với app) 2. Hệ thống lấy tất cả các sản phẩm liên quan đến từ khóa và hiển thị lên cho người dùng |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a Hệ thống tìm kiếm thông tin thất bại và hiển thị thông báo “Không tìm thấy kết quả nào phù hợp với từ khóa “{từ khóa đã nhập}” ” |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC06 |
| Use Case Name | Đánh giá |
| Description | Là người dùng, tôi muốn đánh giá sản phẩm trên website |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đăng nhập vào hệ thống  Đã truy cập vào trang chi tiết của sản phẩm  Đã mua thành công sản phẩm đó |
| Post-Condition(s): | Người dùng đánh giá thành công sản phẩm |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn vào thanh rating trên website, chọn màu sắc muốn đánh giá và nhấn nút “Gửi đánh giá” 2. Hệ thống lưu lại đánh giá của người dùng cho sản phẩm và thông báo thành công |
| Alternative Flow | 1a. Người dùng có thể chọn 1 hoặc nhiều màu sắc, có thể thêm ảnh đính kèm (tối đa 3 ảnh) và viết lời đánh giá cho sản phẩm (tối đa 250 ký tự)  *Use case tiếp tục bước 2* |
| Exception Flow |  |
| Business Rule | Mỗi sản phẩm người dùng chỉ đánh giá 1 lần |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC07 |
| Use Case Name | So Sánh |
| Description | Là người dùng, tôi muốn so sánh về thông số cấu hình, kỹ thuật của 2 sản phẩm được chọn |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã truy cập vào trang chi tiết của sản phẩm  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng được so sánh thành công 2 sản phẩm đã chọn |
| Basic Flow | 1. Tại các mục sản phẩm theo hãng và sản phẩm liên quan, tại mỗi sản phẩm người dùng nhấn vào nút “So sánh” 2. Hệ thống chuyển hướng đến trang So sánh và hiển thị thông số kỹ thuật 2 sản phẩm để người dùng so sánh |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC08 |
| Use Case Name | Thêm vào giỏ hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn sản phẩm vào giỏ hàng |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Người dùng đã đăng nhập |
| Post-Condition(s): | Người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng thành công  Hệ thống cập nhật giỏ hàng cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng đi đến trang danh sách sản phẩm hoặc trang chi tiết của một sản phẩm 2. Người dùng nhấn nút “Thêm vào giỏ hàng” hoặc icon biểu tượng Giỏ hàng 3. Hệ thống lưu id sản phẩm vào giỏ hàng 4. Hệ thống thông báo thành công |
| Alternative Flow | 2a. Tại trang danh sách sản phẩm, người dùng có thể chọn màu sắc muốn thêm giỏ hàng (Đối với web) |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC09 |
| Use Case Name | Xem lịch sử mua hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem lại lịch sử mua hàng của mình |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đăng nhập  Đã có ít nhất một đơn hàng |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem thành công danh sách đơn hàng của mình |
| Basic Flow | 1. Người dùng đi đến trang Quản lý đơn hàng 2. Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng của người dùng |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hiển thị thông báo nếu người dùng chưa có đơn hàng nào |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC10 |
| Use Case Name | Theo dõi đơn hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn theo dõi đơn hàng đang được xử lý của mình |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đăng nhập  Đã đi dến trang Quản lý đơn hàng  Đã có ít nhất một đơn hàng đang được xử lý |
| Post-Condition(s): | Người dùng theo dõi và thao tác thành công đơn hàng đang xử lý của mình |
| Basic Flow | 1. Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng của người dùng 2. Người dùng nhấn vào nút “Xem chi tiết” (đối với web) hoặc nhấn vào đơn hàng (đối với app) để có thể xem thông tin chi tiết về đơn hàng đang được xử lý 3. Hệ thống chuyển hướng đến trang chi tiết đơn hàng và hiển thị các thông tin chi tiết về đơn hàng 4. Người dùng xem và thao tác với đơn hàng |
| Alternative Flow | 4a. Người dùng có thể hủy đơn hàng của mình |
| Exception Flow | 1a. Hiển thị thông báo nếu người dùng chưa có đơn hàng nào |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC11 |
| Use Case Name | Chỉnh sửa thông tin cá nhân |
| Description | Là người dùng, tôi muốn thay đổi các thông tin cá nhân của tôi trên ứng dụng |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Người đùng đã đăng nhập |
| Post-Condition(s): | Người dùng chỉnh sửa lại thông tin cá nhân thành công  Hệ thống cập nhật thông tin cá nhân cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng đi đến trang “Thông tin cá nhân” 2. Người dùng cập nhật lại thông tin cá nhân 3. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ 4. Hệ thống lưu mới cập nhật 5. Hệ thống thông báo thành công |
| Alternative Flow | 2a. Người dùng có thể cập nhật các thông tin như:   * Họ tên * Ảnh đại diện * Mật khẩu (Đối với web) * Địa chỉ giao hàng (Đối với web)   *Use case tiếp tục bước 3* |
| Exception Flow | 3a. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập không hợp lệ và thông báo lỗi |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC12 |
| Use Case Name | Xem giỏ hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem các sản phẩm trong giỏ hàng của tôi trên ứng dụng |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã đăng nhập  Thiết bị đã kết nối Internet  Đã có ít nhất một sản phẩm trong giỏ hàng |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem và thao tác thành công giỏ hàng của mình  Hệ thống cập nhật giỏ hàng cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn icon Giỏ hàng ở header 2. Hệ thống hiển thị các sản phẩm có trong giỏ hàng của người dùng 3. Người dùng có thể cập nhật số lượng, xóa sản phẩm trong giỏ hàng 4. Người dùng có thể chọn hoặc bỏ chọn các sản phẩm muốn thanh toán 5. Người dùng có thể chọn Mã giảm giá (nếu có) 6. Hệ thống kiểm tra cập nhật số lượng trong giỏ hàng 7. Hệ thống lưu mới cập nhật và hiển thị trên giao diện |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hiển thị thông báo nếu giỏ hàng không có sản phẩm nào  7a. Hệ thống cập nhật không thành công và thông báo lỗi |
| Business Rule | Người dùng được chỉ được phép mua tối đa 5 sản phẩm cùng loại  Hệ thông tự động hủy áp dụng Mã giảm giá khi tổng giá trị giỏ hàng không thỏa mãn điều kiện của Mã giảm giá |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC13 |
| Use Case Name | Thanh toán |
| Description | Là người dùng, tôi muốn thanh toán đơn hàng của mình khi đã chọn sản phẩm ưng ý trong giỏ hàng |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đăng nhập  Đã có sản phẩm trong giỏ hàng |
| Post-Condition(s): | Người dùng thanh toán đơn hàng thành công.  Hệ thống tạo đơn hàng cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng chọn nút “Tiến hành đặt hàng” ở trang giỏ hàng hoặc “Mua ngay” ở trang chi tiết (đối với app). 2. Hệ thống chuyển hướng đến trang thanh toán 3. Có thể chỉnh sửa địa chỉ giao hàng   3.1 Thêm địa chỉ mới  3.2 Chỉnh sửa địa chỉ  3.3 Xóa địa chỉ hiện có   1. Có thể chỉnh sửa phương thức thanh toán   4.1 Thanh toán bằng ZaloPay  4.2 Thanh toán khi nhận hàng   1. Có thể chỉnh sửa hình thức nhận hàng    1. Nhận tại cửa hàng       1. Chọn cửa hàng mong muốn    2. Giao hàng tận nơi 2. Người dùng có thể chọn mã giảm giá (nếu có). 3. Người dùng nhấn nút “Đặt hàng” 4. Hệ thống lưu mới đơn hàng vào CSDL và hiển thị thông báo thành công trên giao diện |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Khi sản phẩm đang được thanh toán bởi người dùng khác, người dùng phải chờ đến lượt mới có thể thanh toán  3.1a, 3.2a Hệ thống kiểm thông tin nhập không hợp lệ và hiển thị text báo lỗi  5.1.1a. Hệ thống kiểm tra các sản phẩm trong giỏ hàng tại kho cửa hàng đó. Hiển thị text còn hàng hay hết hàng.  7a. Hệ thống kiểm tra các thông tin cần thiết, nếu còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì thông báo lỗi tại các khu vực còn thiếu hoặc chưa hợp lệ |
| Business Rule | Hệ thông tự động hủy áp dụng Mã giảm giá khi tổng giá trị giỏ hàng không thỏa mãn điều kiện của Mã giảm giá |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC14 |
| Use Case Name | Xem thông báo |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem các thông báo của mình |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã đăng nhập  Thiết bị đã kết nối Internet  Đã có ít nhất một thông báo |
| Post-Condition(s): | Người dùng xem và quản lý thông báo thành công  Hệ thống cập nhật thông báo cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng đi đến trang Thông báo (đối với web) và chọn icon thông báo ở header (bottom đối với app) 2. Hệ thống hiển thị thông báo của người dùng 3. Người dùng xem các thông báo của mình |
| Alternative Flow | 3a. Người dùng có thể thao tác với thông báo như:   * Đánh dấu đã đọc * Xóa thông báo |
| Exception Flow | 2a. Hiển thị dòng text hoặc thông báo nếu như người dùng không có thông báo. |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC15 |
| Use Case Name | Quản lí địa chỉ giao hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn thêm, chỉnh sửa hoặc xóa địa chỉ giao hàng của mình trong hệ thống |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Đã đăng nhập  Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng quản lý thành công địa chỉ giao hàng  Hệ thống cập nhật địa chỉ cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng đi đến trang quản lý địa chỉ giao hàng 2. Người dùng có thể Thêm/ Chỉnh sửa/ Xóa một địa chỉ 3. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ, cập nhật vào CSDL 4. Hệ thống thông báo thành công |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 3a. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập không hợp lệ và hiển thị thông báo lỗi |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC16 |
| Use Case Name | Lọc |
| Description | Là người dùng, tôi muốn lọc sản phẩm theo nhiều tiêu chí để tìm thấy sản phẩm phù hợp. |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đi đến trang danh sách sản phẩm |
| Post-Condition(s): | Người dùng lọc thành công danh sách sản phẩm theo các tiêu chí đã được chọn |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhấn nút “Lọc” 2. Chọn lọc theo: dung lượng, giá, hãng, ram. 3. Hệ thống lọc ra các sản phẩm và hiển thị theo các tiêu chí mà người dùng muốn 4. Hệ thống hiển thị danh sách kết quả lọc cho người dùng |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 4a. Hiện text nếu không có sản phẩm nào đáp ứng tiêu chí lọc |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC17 |
| Use Case Name | Sắp xếp |
| Description | Là người dùng, tôi muốn sắp xếp danh sách sản phẩm theo một tiêu chí mong muốn |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đi đến trang danh sách sản phẩm |
| Post-Condition(s): | Người dùng sắp xếp thành công danh sách sản phẩm theo một tiêu chí đã chọn |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhấn vào nút “Sắp xếp” 2. Người dùng chọn 1 trong các tiêu chí sắp xếp như: Giá từ cao đến thấp, Giá từ thấp đến cao 3. Hệ thống sắp xếp danh sách sản phẩm theo tiêu chí người dùng đã chọn 4. Hệ thống hiển thị danh sách kết quả sắp xếp cho người dùng |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC18 |
| Use Case Name | Thích sản phẩm |
| Description | Người dùng có thể thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích của mình |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đi đến trang chi tiết của một sản phẩm |
| Post-Condition(s): | Người dùng thêm thành công sản phẩm vào danh sách yêu thích  Hệ thống cập nhật danh sách yêu thích của người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhấn vào biểu tượng “Trái tim” 2. Hệ thống thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích 3. Hệ thống hiển thị thông báo thành công |
| Alternative Flow | 2a. Hệ thống kiểm tra nếu sản phẩm đã được thêm vào danh sách yêu thích rồi thì hệ thống sẽ xóa sản phẩm ra khỏi danh sách yêu thích |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC19 |
| Use Case Name | Tra cứu IMEI |
| Description | Tra cứu IMEI của sản phẩm để biết thông tin chi tiết về sản phẩm cũng như thông tin bảo hành |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đã đi đến trang tra cứu IMEI |
| Post-Condition(s): | Người dùng tra cứu IMEI thành công của một sản phẩm |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhập số IMEI và nhấn nút “Tra cứu” 2. Hệ thống kiểm tra số IMEI người dùng nhập hợp lệ 3. Hệ thống lấy thông tin về sản phẩm cũng như bảo hành và hiển thị cho người dùng |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hệ thống kiểm tra IMEI không đúng định dạng và hiển thị thông báo lỗi  3a. Hệ thống không tìm thấy IMEI và hiển thị thông báo lỗi |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC20 |
| Use Case Name | Thay đổi mật khẩu |
| Description | Thay đổi mật khẩu mới cho tài khoản |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet  Đang ở trang quản lý tài khoản |
| Post-Condition(s): | Người dùng thay đổi mật khẩu thành công  Hệ thống cập nhật mật khẩu cho người dùng |
| Basic Flow | 1. Người dùng nhấn vào nút “Thay đổi mật khẩu” 2. Người dùng nhập Mật khẩu cũ, Mật khẩu mới và Nhập lại mật khẩu mới 3. Người dùng nhấn vào nút “Cập nhật” 4. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập hợp lệ 5. Hệ thống thay đổi mật khẩu cho người dùng và thông báo thành công |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 4a. Hệ thống kiểm tra thông tin nhập bị thiếu hoặc chưa hợp lệ và hiển thị thông báo lỗi tại khu vực bị thiếu hoặc chưa hợp lệ |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC21 |
| Use Case Name | Liên hệ |
| Description | Người dùng muốn liên hệ, giải đáp các thắc mắc trong quá trình sử dụng thông qua chatbot của Facebook |
| Actors | Customer (Khách hàng) |
| Pre-Condition(s): | Thiết bị đã kết nối Internet |
| Post-Condition(s): | Người dùng liên hệ thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào trang web hoặc ứng dụng 2. Người dùng nhấn vào chatbot bên dưới góc trái có biểu tượng của ứng dụng “Messenger” đối với web và nhấn vào trang liên hệ đối với ứng dụng |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rule |  |
| Non-Functional Requirement |  |